

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2021
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố HH, thị trấn TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cư trú tại: Tổ dân phố SD, thị trấn DD, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Quyết C, sinh năm 1986. Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố HH, thị trấn TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 02 năm 2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Quyết C kết hôn với nhau ngày 04/9/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc kết hôn là do anh chị tự nguyện, không ai bị lừa dối, hay bị cưỡng ép kết hôn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu trong thời gian

01 năm và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng bố mẹ anh C tại tổ dân phố HH, thị trấn TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bị nghiện, đã phải đi chấp hành án và đi cai nghiện, anh C chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đến tháng 11/2020 mâu thuẫn trầm trọng, chị bỏ về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lưu Hiểu K, sinh ngày 18/02/2015 và cháu Lưu Khánh N, sinh ngày 10/5/2017. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị đều xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Quyết C vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 26 tháng 02 năm 2021 anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất toàn bộ với lời trình bày của chị T về thời gian và địa điểm kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân. Theo anh vợ chồng chỉ có những lục đục mâu thuẫn nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có lên nhà ngoại gặp chị T để khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Nay chị T xin ly hôn, quan điểm của anh là anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh đều xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 anh Lưu Quyết C được đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 11/QĐ-TA ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T, căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lưu Quyết C, về con chung: đề nghị giao cho chị T được

nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lưu Hiếu K và cháu Lưu Khánh N, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lưu Quyết C có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố HH, thị trấn TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BX theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn anh Lưu Quyết C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và đã có lời khai tại Tòa án, có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng anh không ký biên bản và không có mặt tại phiên hòa giải lần 2, vì vậy Tòa án không hòa giải được. Ngày 23 tháng 6 năm 2021 anh C đi cai nghiện bắt buộc, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 04/9/2014 phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh C vì xác định quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh C bị nghiện, đã phải đi chấp hành án và đi cai nghiện, anh C chơi bời, không chịu tu chí làm ăn. Quá trình giải quyết vụ án anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin được đoàn tụ. Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 11/QĐ-TA ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện Lưu Quyết C là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2011, đã được áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn nhưng Chiến không cải sửa, không từ bỏ được ma túy. Điều đó thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng, chị T đã cho anh C cơ hội nhiều lần để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nhưng anh C vẫn không thay đổi, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Anh C xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống

ly thân một thời gian dài, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T, anh C có 02 con chung là cháu Lưu Hiểu K, sinh ngày 18/02/2015 và cháu Lưu Khánh N, sinh ngày 10/5/2017. Hiện hai cháu đang ở với chị T. Ly hôn cả chị T và anh C đều có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị T, anh C là chính đáng. Căn cứ vào điều kiện thực tế của hai bên hiện nay thấy rằng: Chị T hiện đang làm công nhân tại Công ty, có thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng, bản thân chị hiện tại ở trên nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố SĐ, thị trấn ĐĐ, huyện TĐ, tỉnh Vĩnh Phúc được bố mẹ cho ở riêng, hoàn toàn có khả năng và điều kiện để nuôi dưỡng hai con chung. Anh C hiện tại đang phải đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện với thời gian chấp hành là 02 năm, không có khả năng và điều kiện, trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó cháu K và cháu N đều dưới 7 tuổi, là con gái, rất cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu K, cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị T, anh C đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Lưu Quyết C.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Lưu Hiểu K, sinh ngày 18/02/2015 và cháu Lưu Khánh N, sinh ngày 10/5/2017 (hiện hai cháu đang ở với chị), anh Lưu Quyết C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001284 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện BX;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện BX;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn TL;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan